

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **277/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 30-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 tháng 5 và ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10/02/2022 về “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 910/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 918/2022/QĐ-PT ngày 17/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3810/2022/QĐ-PT ngày 06/4/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 5295/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lín Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 4449 Đường A, phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 44-46 Đường A1, Khu phố C, phường II, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bùi Thanh V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lín Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau và kết hôn với nhau vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2013, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh N cấp ngày 22/02/2013. Bà khai rằng trong thời gian chung sống hai vợ chồng bà thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông T còn không chung thủy với bà, có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà đã nhiều lần cho ông T cơ hội nhưng ông T không sửa đổi và còn đánh đập bà. Bà và ông T đã ly thân từ gần hai năm nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho ông T được nuôi con thì bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Hiện nay bà kinh doanh sắt thép, có thu nhập ổn định. Bà có đủ điều kiện và thời gian để chăm sóc, đưa đón con.

Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác nhận những lời khai của bà Lín Thị H về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn hoàn toàn là đúng sự thật và không bổ sung gì thêm. Ông khai rằng trong thời gian chung sống hai vợ chồng ông thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Trong thời kỳ hôn nhân bà H có người khác bên ngoài. Ông xác nhận ông không có người phụ nữ khác ở bên ngoài, ông không đánh đập bà H mà chỉ tát vào má bà H. Do hai vợ chồng mâu thuẫn về công việc làm ăn và quan hệ với gia đình bên chồng không tốt nên bà H đã bỏ nhà ra đi. Vợ chồng ông đã ly thân từ gần hai năm nay. Tại phiên tòa hôm nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà H vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017. Ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H1 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà H được nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 910/2021/HNGĐ-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 19, 51,

53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lín Thị H .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lín Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2013, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh N cấp ngày 22/02/2013 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H, ông T có 01 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017. Giao con chung tên là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017 cho bà Lín Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, bắt đầu thi hành kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì ông T còn phải trả thêm cho bà H số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền, thời gian chậm thi hành án.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà H, ông T khai không có nên Tòa không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bà Lín Thị H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Bùi Thanh V trình bày:

Nguyên đơn có gian dối trong việc cung cấp chứng cứ cho tòa, các chứng cứ về nơi làm việc, mức thu nhập của bà H chưa rõ ràng và có sự mâu thuẫn, hợp đồng thuê nhà nơi bà H cư ngụ chưa được đối chiếu với bản chính. Bà H đang sống chung và có con với người đàn ông khác.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để làm rõ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Phiên tòa ngày 30/5/2022, Hội đồng xét xử công bố, làm rõ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để tiếp cận chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc theo quy định pháp luật và phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông T còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy tòa cấp sơ thẩm giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và chăm sóc là có xem xét đến các điều kiện về chỗ ở, thu nhập của các bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T muốn nuôi con nhưng không chứng minh được có sự thay đổi về tâm sinh lý của trẻ, không đưa ra được lý do và căn cứ chứng minh bà H không đủ điều kiện nuôi con hoặc nuôi con không tốt.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng nên được ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Xét đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con của ông T:

Đối với con chung, ông Nguyễn Văn T và bà Lín Thị H đều có tình yêu thương con như nhau, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Xét thấy rằng, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy cả bà H và ông T đều có đủ điều kiện về chỗ ở, việc làm, thu nhập, đều đảm bảo được cuộc sống cho con. Tuy nhiên, từ khi sống ly thân cho đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H1. Xét thấy, cháu H1 được nuôi dưỡng tốt về thể chất lẫn tinh thần, phát triển bình thường. Hiện cháu H1 là cháu gái và còn rất nhỏ nên cần được sự quan tâm và chăm sóc trực tiếp từ người mẹ sẽ thuận lợi hơn. Nhằm tạo điều kiện để cháu H1 phát triển toàn diện về mọi mặt, đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, tránh làm xáo trộn cuộc sống và thói quen sinh hoạt hằng ngày của cháu H1 nên thiết nghĩ cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Đối với các yêu cầu của bị đơn và luật sư, Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, công bố, và được làm rõ tại phiên tòa. Do đó, không có căn cứ để xem xét và không cần thiết phải hoãn phiên tòa.

Từ nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về thời gian thi hành tiền cấp dưỡng :

Cấp sơ thẩm quyết định thời gian thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi là chưa chính xác. Tại Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị:

a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng, trả công lao động”. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho chính xác hơn: Thời gian được thực hiện kể từ ngày 06/12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19; Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 117; Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự; tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 910/2021/HNGĐ-ST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lín Thị H .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lín Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2013, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh N cấp ngày 22/02/2013 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà H, ông T có 01 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017. Giao con chung tên là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017 cho bà Lín Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 18/3/2017 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, bắt đầu thi hành kể từ ngày 06/12/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì ông T còn phải trả thêm cho bà H số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền, thời gian chậm thi hành án.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà H, ông T khai không có nên Tòa không xem xét giải quyết.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lín Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0062895 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Nguyễn Văn T chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0033062 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B, TP.HCM;
- UBND xã V, huyện Đ, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.(Linh/12b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Anh

Phạm Thị Thu Phương

Lưu Thị Thủy Tiên